

MÔ TẢ

HI-PON 80-14 VINYL ESTER LINING là sơn gốc vinyl ester hai thành phần chịu hoá chất cao và thi công bằng tay, có chứa chất độn trơ và được gia cường bằng sợi thủy tinh. Phù hợp để sử dụng cho thép cacbon và bê tông được chuẩn bị bề mặt tốt trong môi trường trên cạn và dưới nước.

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Hi-Pon 80-14 Vinyl Ester Lining được thiết kế cho việc sử dụng làm sơn lót bên trong bể chứa hoá chất, đường ống nước, và kết cấu thép tại môi trường yêu cầu khả năng chống ăn mòn hoá học vượt trội. Hi-Pon 80-14 Vinyl Ester Lining phù hợp để sử dụng trong hầu hết các môi trường khắc nghiệt. Sản phẩm có khả năng chịu đựng môi trường tuyệt vời như dung môi aliphatic, dung môi thơm hữu cơ, acid hữu cơ hoặc vô cơ nồng độ cao.

ĐẶC TÍNH CHUNG

Màu	: Tím trong suốt
Độ bóng	: Không áp dụng
Hàm lượng rắn theo thể tích	: 100% phản ứng (~85% thành phần chuyển hoá thành rắn)
Tỉ trọng	: 1.05 ± 0.05 kg/l (hỗn hợp)
Điểm bắt cháy	: Chất cơ sở là 31°C : Chất đóng rắn là 43°C : Hỗn hợp là 31°C
Hàm lượng VOC	: 228 g/l (EPA Method 24)
Độ dày màng sơn tiêu biểu	Xem bên dưới

**ĐỘ DÀY MÀNG SƠN
TIÊU BIỂU****Basecoat (Base + Talcum powder)**

- Một lớp sơn có độ dày màng sơn khô 1300 – 1700 micron (độ dày màng sơn ướt 1530 – 2000 micron).
- Độ che phủ lý thuyết là 0.57 m²/l đối với màng sơn khô 1500 micron.

Laminate (Base dạng thảm gia cường đã bão hòa)

- Hai lớp Chopped Strand Mat đã bão hoà với nhựa
- Một lớp Glassfiber Surface Mat đã bão hoà với nhựa

- Độ che phủ lý thuyết là 8.5 m²/l đối với màng sơn khô 100 micron tương ứng mỗi lớp.

Topcoat (Chỉ có Base)

- Một hoặc hai lớp có độ dày màng sơn khô mỗi lớp 75 – 100 micron (độ dày màng sơn ướt 88 – 117 micron mỗi lớp)
- Độ che phủ lý thuyết là 8.5 m²/l đối với màng sơn khô 100 micron tương ứng mỗi lớp.
- Lớp sơn hoàn thiện có chứa chất khô tự nhiên trong không khí.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Tất cả các bề mặt phải sạch và không bị nhiễm bẩn. Bề mặt phải được đánh giá và xử lý theo tiêu chuẩn ISO 8504.

Dầu hoặc mỡ phải được loại bỏ bằng dung môi theo tiêu chuẩn SSPC-SP1.

Làm sạch theo phương pháp thổi hạt

Thổi hạt làm sạch bề mặt theo tiêu chuẩn Sa 2½ (ISO 8501-1) hoặc SSPC-SP10 để đạt độ nhám bề mặt 75 – 100 micron (3 – 4 mils). Nếu gỉ sét xảy ra giữa quá trình thổi hạt và thi công thì bề mặt nên được thổi hạt lại để đạt được tiêu chuẩn quy định. Những khuyết điểm ở bề mặt do quá trình thổi hạt gây ra nên được mài mòn, lấp đầy hoặc xử lý một cách thích hợp.

Bề mặt bê tông

Bê tông mới phải được xử lý đúng cách trước khi thi công lớp phủ. Tất cả các bề mặt phải sạch và không có vữa xi măng, hợp chất bảo dưỡng, chất giải phóng, sỏi bột, dầu mỡ, dầu, bụi bẩn, chất hữu cơ phát triển, lớp phủ cũ và bê tông lỏng lẻo hoặc phân hủy. Việc chuẩn bị bề mặt phải được thực hiện theo SSPC-SP13 / NACE No 6. Sơn lót phù hợp bề mặt bê tông trước khi thi công.

Bề mặt khác

Hi-Pon 80-14 Vinyl Ester Lining có thể được sử dụng trên các loại bề mặt khác. Vui lòng liên lạc với Công ty Nippon Paint gần nhất để biết thêm thông tin.

ĐIỀU KIỆN THI CÔNG

Tránh thi công khi nhiệt độ dưới 10°C và độ ẩm lớn hơn 80%. Nhiệt độ bề mặt thép phải lớn hơn điểm sương của môi trường xung quanh ít nhất là 3°C. Khi nhiệt độ bề mặt quá 35°C, Hi-Pon 80-14 cần được sơn phủ ngay khi khô cứng để tránh ảnh hưởng độ bám dính.

**HƯỚNG DẪN THI
CÔNG****Tỷ lệ pha trộn**

: Chất cơ sở : chất đóng rắn = 50.3 : 1
(theo thể tích)

Chất cơ sở và chất đóng rắn phải được khuấy trộn kỹ bằng máy khuấy cơ trước khi sử dụng.

[1] Hỗn hợp Basecoat :

HI-PON 80-14 : TALCUM POWDER

45 : 55 (theo khối lượng)

10.5 KG : 12.83 KG

Ghi chú: Tính toán dựa trên 10L của Hi-Pon 80-14 (Chất cơ sở + Chất đóng rắn)

[2] Hỗn hợp Final TopCoat :

HI-PON 80-14 : AIR DRY AGENT

41.3 : 1 (theo khối lượng)

21 KG : 0.508 KG

Ghi chú: Tính toán dựa trên 20L của Hi-Pon 80-14 (Chất cơ sở + Chất đóng rắn)

Thời gian sử dụng : 30 phút ở 25°C 20 phút ở 35°C
hỗn hợp đã pha trộn (Thời gian sử dụng sẽ tùy thuộc vào nhiệt độ)

Dung môi pha loãng : Không pha loãng

Dung môi rửa : Hi-Pon Vinyl Ester Thinner

**PHƯƠNG PHÁP THI
CÔNG**

Nên sử dụng bay để thi công basecoat. Cọ và con lăn thích hợp cho việc thi công chất bảo hoà nhựa và dung dịch làm phẳng. Cần đạt được độ dày màng sơn khô theo yêu cầu.

Hướng dẫn thi công :

1. Dùng bay thi công lớp basecoat ở độ dày 1500 micron.
2. Thi công chopped strand mat lên lớp basecoat bằng cách ấn nhẹ, sau đó thi công chất bảo hoà nhựa cho tới khi lớp chopped strand mat trở nên trong suốt. Dùng con lăn gai kim loại để loại bỏ bọt khí.
3. Thi công thêm một lớp chopped strand mat như bước 2
4. Thi công glassfiber surface mat lên phần nhựa dư còn lại từ bước 2 và 3, rồi để khô cứng.
5. Thi công 2 lớp sơn phủ có độ dày màng sơn khô 100 micron / mỗi lớp. . Lớp topcoat cuối cùng có thể cần sử dụng thêm chất làm khô trong không khí.

DỮ LIỆU THI CÔNG

Thời gian khô	: Nhiệt độ bề mặt nền	: 25°C	35°C
	Khô bề mặt	: 1 giờ	45 phút
	Khô để xử lý	: 3 giờ	2 giờ
	Khô hoàn toàn	: 5 ngày	3 ngày
	Thời gian sơn lớp kế	: 3 giờ	2 giờ
	tiếp (tối thiểu)		
	Thời gian sơn lớp kế	: 5 ngày	3 ngày
	tiếp (tối đa)		

Ghi chú: Khi đã quá thời gian thi công lớp sơn kế tiếp, cần kiểm tra độ bám dính bằng cách sử dụng monome styren để lau bề mặt.

- Nếu bề mặt có độ “dính”, là đạt yêu cầu.
- Nếu không bị làm mềm bởi styren, bề mặt phải được xử lý lại bằng phương pháp phun cát nhẹ hoặc mài cơ học để tạo độ nhám, không bóng.

Bề mặt đã sơn lót phải khô và không có tạp chất khi thi công lớp lót, lớp phủ hoặc sàn.

Các thông số trên chỉ mang tính chất tham khảo. Thời gian sơn lớp kế tiếp thực tế có thể ngắn hơn hay dài hơn phụ thuộc vào độ dày màng sơn, độ thông thoáng, độ ẩm, hệ thống sơn bên dưới, các yêu cầu về vận chuyển sớm và độ bền cơ học... Một hệ thống sơn hoàn chỉnh sẽ được thể hiện trong bản thông số hệ thống sơn bao gồm tất cả những thông số và điều kiện cụ thể.

**KHẢ NĂNG CHỊU
NHIỆT****Khô, Khí quyển**

- Liên tục : 150 °C
- Tối thiểu : - 40 °C
- Không liên tục : 177 °C

Ướt, ngâm

- Nước sạch : 70 °C
- Dầu thô : 80 °C

Thời gian nhiệt độ không liên tục - tối đa 1 giờ

Nhiệt độ được liệt kê liên quan đến việc duy trì các đặc tính bảo vệ. Tính chất thẩm mỹ có thể bị ảnh hưởng ở nhiệt độ này. Khả năng chịu nhiệt bị ảnh hưởng bởi toàn bộ hệ thống sơn. Nếu được sử dụng như một phần của hệ thống sơn, cần đảm bảo tất cả các lớp trong hệ thống đều có khả năng chịu nhiệt tương tự.

**HỆ THỐNG SƠN ĐỀ
NGHỊ**

Các hệ sơn sau đây được đề nghị cho Hi-Pon 80-14 Vinyl Ester Lining:

Sơn lót:

- Hi-Pon 80-13 Vinyl Ester Primer

Để chọn hệ thống sơn cho ứng dụng khác, tham khảo các tài liệu của sản phẩm hoặc liên hệ với Công ty Nippon Paint để có sự tư vấn chuyên nghiệp.

ĐÓNG GÓI

Đơn vị	Chất cơ sở		Chất đóng rắn	
	Thể tích	Thể tích của thùng	Thể tích	Thể tích của thùng
20L	19.61L	20L	0.39L	1L

BẢO QUẢN**Hạn sử dụng**

: Chất cơ sở : 6 tháng (20°C) tối thiểu

Chất đóng rắn : 6 tháng (20°C) tối thiểu

Cần kiểm tra lại sơn sau thời gian này. Nhiệt độ cao trong quá trình lưu trữ có thể làm hạn sử dụng ngắn hơn và có thể dẫn đến sự keo đặc trong thùng chứa.

Bảo quản trong thùng chứa kín, ở nơi khô ráo, mát mẻ và thông thoáng, tránh xa nguồn nhiệt và tia lửa. Nhiệt độ bảo quản khuyến nghị đối với chất cơ sở là từ 10 °C – 15 °C để kéo dài thời hạn sử dụng. Tốt nhất nên bảo quản riêng biệt chất cơ sở và chất đóng rắn.

THÔNG TIN AN TOÀN

- Sản phẩm này được sử dụng bởi những người thi công chuyên nghiệp. Tham khảo các thông tin an toàn trên bao bì và trong tài liệu an toàn (SDS) trước khi sử dụng sản phẩm.
- Thi công trong môi trường thông thoáng, tránh tiếp xúc trực tiếp với da, trường hợp tiếp xúc trực tiếp với da thì ngay lập tức rửa sạch bằng chất làm sạch thích hợp, xà phòng và nước.
- Khi bị bắn sơn vào mắt, nên rửa thật nhiều với nước sạch và tham vấn bác sĩ.
- Trong quá trình thi công cần tuyệt đối tránh ngọn lửa trực tiếp, việc hàn cắt và hút thuốc. Môi trường thi công phải được thông gió tốt.
- Nếu không rõ về việc sử dụng sản phẩm, hãy liên hệ với công ty Nippon Paint để được tư vấn.

KHUYẾN CÁO

Thông tin trong bảng dữ liệu này được đưa ra từ những kiến thức và kinh nghiệm thực tế tốt nhất của Nippon Paint. Người sử dụng có thể tham khảo ý kiến của Nippon Paint về sự phù hợp chung của sản phẩm cho nhu cầu của họ, tuy nhiên vẫn là trách nhiệm của mỗi người sử dụng để xác định sự phù hợp của sản phẩm cho mục đích sử dụng cụ thể. Các điều kiện của bề mặt và điều kiện thi công không nằm trong sự kiểm soát của Nippon Paint. Vì vậy không có điều kiện mặc định, bảo hành hoặc các điều khoản khác sẽ áp dụng cho các sản phẩm. Nippon Paint không và không thể đảm bảo các kết quả mà

người dùng có thể có được khi sử dụng sản phẩm. Trong mọi trường hợp Nippon Paint sẽ không chịu trách nhiệm với người sử dụng cho bất kỳ sự cố nào (dù trực tiếp hay gián tiếp) ngay cả khi Nippon Paint đã có những khuyến cáo trước đó. Điều này phù hợp với chính sách của công ty Nippon Paint cho sự phát triển lâu dài. Công ty Nippon Paint có quyền cải tiến sản phẩm và điều chỉnh các thông tin trong bảng dữ liệu này mà không cần thông báo trước. Người sử dụng có trách nhiệm liên lạc với công ty Nippon Paint để có phiên bản mới nhất của bảng dữ liệu này. Bảng dữ liệu này đã được dịch sang các ngôn ngữ khác nhau. Trong trường hợp không thống nhất, bản tiếng Anh sẽ áp dụng.